

Bản án số: **2877 /2025/DS-ST**
Ngày 22/10/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Hách

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mai

Bà Nguyễn Thị Cờ

Thư ký phiên tòa: Ông Đào Xuân Giang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội.

Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hà Thanh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 22 tháng 10 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 426/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 426.1/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 08 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 426.3/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 09 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N2 (Sau đây gọi là Ngân hàng A);

Địa chỉ trụ sở: Số B L, phường T, quận B, thành phố H (nay là phường G, thành phố H).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng N2 – Chi nhánh H1

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Phạm Thị Hằng N – Phó Giám đốc Chi nhánh và bà Ngô Phan Lan H – Trưởng phòng KHCN Ngân hàng N2 – chi nhánh H1.

Địa chỉ trụ sở chi nhánh: Số G L, phường V, quận H, thành phố H (nay là phường V, thành phố H).

(Có mặt bà H; Vắng mặt bà N)

Bị đơn: Bà Đỗ Hồng N1, sinh năm 1978;

Nơi đăng ký HKTT: TT Viện C, phường L, quận Đ, thành phố H.

Chỗ ở: Căn hộ chung cư C, tầng 5, tòa nhà hỗn hợp Dịch vụ công cộng và

nhà ở cao tầng, số C Cầu G, phường D, quận C, thành phố H (nay là phường C, thành phố H). ĐT: 0913542667.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Đỗ Thị T; Địa chỉ: G L, quận H, Thành phố H (nay là phường V, thành phố H)

(Có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Trọng K, sinh năm 1945

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1947

Cùng trú tại: Số E phố H, tổ A phường V, quận L, thành phố H (nay là phường V, thành phố H). (Vắng mặt)

3. Công ty CP V1

Địa chỉ: bến Y, thôn Y, xã H, huyện M, H và P2406 Sảnh A, Tòa nhà M3, M4, 91 N, L, Đ, H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2024 và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng N2 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) là bà Ngô Phan Lan H trình bày:

1. Quá trình cấp tín dụng: Ngày 12/5/2017, bà Đỗ Hồng N1 đã ký với Ngân hàng A - Chi nhánh H1 01 Hợp đồng tín dụng số 1500LAV201702387 ngày 12/05/2017. Tổng số tiền vay là: **14.550.000.000 đồng** (Bằng chữ: **Mười bốn tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng**); Ngày trả nợ cuối cùng: 14/03/2018. Mục đích vay: Mua nhà tại địa chỉ số C đường H, phường N, quận C, TP .; Lãi suất cho vay: 7%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất vay = Trần lãi suất huy động có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau theo thông báo của Ngân hàng A có tính DTTT, DTBB + tỷ lệ nhất định nhưng không vượt quá trần lãi suất cho vay của Tổng Giám đốc Ngân hàng A quy định từng thời kỳ...; Lãi suất nợ quá hạn bằng: 150% lãi suất trong hạn đối với số gốc chậm trả; Đến hạn trả lãi bên vay không trả nợ đúng hạn thì phải trả phí chậm trả lãi tối đa là 10% lãi suất cho vay tính trên số ngày chậm trả lãi... Các điều khoản chi tiết của khoản vay được quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng số 1500LAV201702387 ngày 12/05/2017.

Ngân hàng A - Chi nhánh H1 đã giải ngân, bà Đỗ Hồng N1 đã nhận đủ số tiền 14.550.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Biện pháp bảo đảm:

Tài sản bảo đảm cho Hợp đồng Tín dụng số 1500LAV201702387 ngày 12/05/2017 là toàn bộ giá trị và các quyền tài sản liên quan đến toàn bộ phần vốn góp và số cổ phần theo Hợp đồng thể chấp tài sản số 01/2018/HĐTC ngày 22/02/2018 và Phụ lục Hợp đồng thể chấp tài sản ngày 26/02/2018 đã ký giữa ông Đỗ Trọng K, bà Nguyễn Thị T1 và Ngân hàng A - Chi nhánh H1. Tài sản được đăng

ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hà Nội ngày 07/12/2018, cụ thể:

Chủ sở hữu	Loại GTCG	Số seri	Số CP sở hữu	Đơn vị phát hành
Đỗ Trọng K1	Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần	Mã cổ đông: 005	220.725	Công ty CP Vận tải và Du lịch H
Nguyễn Thị T1		Mã cổ đông: 225	37.022	
Tổng			257.747	

Tổng giá trị Tài sản bảo đảm theo thỏa thuận là **10.000.583.600 đồng** (Bằng chữ: *Mười tỷ, năm trăm tám ba ngàn, sáu trăm đồng*).

3. Việc vi phạm nghĩa vụ:

Quá trình thực hiện hợp đồng tại Ngân hàng A - Chi nhánh H1, bà Đỗ Hồng N1 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ (quá hạn trả gốc từ ngày 15/03/2018 đến nay), Ngân hàng A - Chi nhánh H1 đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có các công văn đôn đốc đề nghị bà Đỗ Hồng N1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà Đỗ Hồng N1 đã nhiều lần cam kết trả nợ nhưng không thực hiện đúng, đủ nghĩa vụ đã cam kết. Mặt khác, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với bên bảo đảm yêu cầu bên bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bên vay theo cam kết tại hợp đồng thế chấp nhưng bên bảo đảm không thực hiện đúng, đủ theo cam kết. Việc đôn đốc trả nợ được thể hiện thông qua hồ sơ đôn đốc nợ của Ngân hàng A chi nhánh H1. Khoản nợ trên đã là nợ xấu làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng A, gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng A.

Tổng dư nợ của Bà Đỗ Hồng N1 phải trả cho Ngân hàng A (tạm tính đến ngày 22/10/2025) là **14.139.675.861 đồng** trong đó:

- Nợ gốc : 6.639.925.500 đồng
- Tổng nợ lãi : 6.835.985.783 đồng
- Phí chậm trả : 663.764.578 đồng

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng A, căn cứ các nội dung nêu trên Ngân hàng A thông qua Ngân hàng A - Chi nhánh H1 đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội xét xử như sau:

1. Tuyên buộc Bà Đỗ Hồng N1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/10/2025) là 14.139.675.861 đồng.

2. Tuyên buộc Bà Đỗ Hồng N1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc thực tế đến ngày Tòa án ra bản án. Ngoài ra, Bà Đỗ Hồng N1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến ngày trả hết nợ gốc cho Ngân hàng A hoặc cho đến khi thi hành án xong bản án theo quy định của pháp luật.

3. Tuyên Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay của Bà Đỗ Hồng N1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/HĐTC ngày 22/02/2018 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 26/02/2018 đã ký giữa ông Đỗ Trọng K, bà Nguyễn Thị T1 và Ngân hàng A Chi nhánh H1 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật trong trường hợp bà Đỗ Hồng N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đủ, đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

4. T2 nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Bà Đỗ Hồng N1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Ngân hàng N2 không còn yêu cầu nào khác.

*** Bị đơn bà Đỗ Hồng N1 do bà Đỗ Thị T là đại diện theo uỷ quyền trình bày:**

Ngày 12/5/2017, bà Đỗ Hồng N1 đã ký với Ngân hàng A - Chi nhánh H1 01 Hợp đồng tín dụng số 1500LAV201702387 ngày 12/05/2017.

Tổng số tiền vay là: **14.550.000.000 đồng** (Bằng chữ: **Mười bốn tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng**);

Bà Đỗ Hồng N1 đã thanh toán được cho ngân hàng số tiền 7.910.074.500 đồng.

Tạm tính đến ngày **16/4/2025** (nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại Ngân hàng A là: **13.728.507.380 đồng** (Bằng chữ: *Mười ba tỷ, bảy trăm hai mươi tám triệu, năm trăm linh bảy nghìn, hai trăm chín mươi đồng*), trong đó:

- Nợ gốc : 6.639.925.500 đồng

- Tổng nợ lãi : 6.469.959.980 đồng

- Phí chậm trả : 618.621.900 đồng

2. Biện pháp bảo đảm:

Tài sản bảo đảm cho Hợp đồng Tín dụng số 1500LAV201702387 ngày 12/05/2017 là toàn bộ giá trị và các quyền tài sản liên quan đến toàn bộ phần vốn góp và số cổ phần theo Hợp đồng thể chấp tài sản số 01/2018/HĐTC ngày 22/02/2018 và Phụ lục Hợp đồng thể chấp tài sản ngày 26/02/2018 đã ký giữa Ông Đỗ Trọng K, Bà Nguyễn Thị T1 và Ngân hàng A Chi nhánh H1. Tài sản được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hà Nội ngày 07/12/2018.

Hiện nay do kinh tế khó khăn, bà Đỗ Hồng N1 chưa có khả năng trả nợ và xin ngân hàng tạo điều kiện về thời gian cho bà Đỗ Hồng N1 trả nợ dần số nợ trên trong thời hạn 03 năm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Trọng K và bà Nguyễn Thị T1; Công ty CP V1: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đến tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông K và bà T1, Đại diện Công ty CP V1 không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng tham gia giải quyết vụ án. Do vậy, việc cho ông Đỗ Trọng K và bà Nguyễn Thị T1; Công ty CP V1 làm bản tự khai, tiến hành lấy lời khai đối chất giữa các đương sự cũng như việc tiến hành phiên họp giao nộp, tiếp cận, kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải không tiến hành được. Ông K, bà T1, Công ty CP V1 không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không có yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như sau:

1. Tuyên buộc Bà Đỗ Hồng N1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A tổng số tiền tạm tính đến ngày **22/10/2025** (nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại Ngân hàng A là: 14.139.675.861 đồng trong đó:

- Nợ gốc : 6.639.925.500 đồng

- Tổng nợ lãi : 6.835.985.783 đồng

- Phí chậm trả : 663.764.578 đồng

2. Tuyên buộc Bà Đỗ Hồng N1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc thực tế đến ngày Tòa án ra bản án. Ngoài ra, Bà Đỗ Hồng N1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến ngày trả hết nợ

gốc cho Ngân hàng A hoặc cho đến khi thi hành án xong bản án theo quy định của pháp luật.

3. Tuyên Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay của Bà Đỗ Hồng N1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/HĐTC ngày 22/02/2018 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 26/02/2018 đã ký giữa ông Đỗ Trọng K, bà Nguyễn Thị T1 và Ngân hàng A Chi nhánh H1 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật trong trường hợp Bà Đỗ Hồng N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đủ, đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

4. T2 nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Bà Đỗ Hồng N1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội nhận định, đánh giá tính hợp pháp của các Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N2 và bà Đỗ Hồng N1 và có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N2 buộc bà Đỗ Hồng N1 có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng N2 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và phí chậm trả của 01 Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 22/10/2025 là 14.139.675.861 và lãi suất phát sinh từ ngày 23/10/2025 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ; Chấp nhận Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay của Bà Đỗ Hồng N1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/HĐTC ngày 22/02/2018 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 26/02/2018 đã ký giữa ông Đỗ Trọng K, bà Nguyễn Thị T1 và Ngân hàng A - Chi nhánh H1 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật trong trường hợp Bà Đỗ Hồng N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đủ, đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật; Chấp nhận tuyên nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Bà Đỗ Hồng N1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[I]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án dân sự này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn bà Đỗ Hồng N1 có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại TT Viện C, phường L, quận Đ, Thành phố H. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Do người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 3 không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo thủ tục chung.

[II]. Về nội dung:

[1]. Hợp đồng tín dụng số 1500LAV201702387 ngày 12/05/2017 đáp ứng đủ điều kiện của chủ thể ký kết và nội dung ký kết phù hợp với quy định của pháp luật, nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[1.1]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc: 6.639.925.500 đồng (Sáu tỉ sáu trăm ba mươi chín triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng) của Hợp đồng tín dụng số 1500LAV201702387 ngày 12/05/2017 của Ngân hàng N2 đối với bà Đỗ Hồng N1. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 1500LAV201702387 ngày 12/05/2017 được kí giữa Ngân hàng N2 và bà Đỗ Hồng N1 thể hiện: Bà Đỗ Hồng N1 vay của Ngân hàng N2 tổng số tiền **14.550.000.000 đồng** (Bằng chữ: **Mười bốn tỷ, năm trăm năm mươi triệu đồng**). Tổng số tiền vay theo các hợp đồng tín dụng đã được giải ngân qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà N1.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng đã ký kết bà N1 đã thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc là: 7.910.074.500 đồng, còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 6.639.925.500 đồng. Yêu cầu của Ngân hàng A đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Hồng N1 phải trả ngân hàng số tiền nợ gốc của các hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bà N1 phải thanh toán trả cho Ngân hàng N2 toàn bộ số tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng nêu trên là 6.639.925.500 đồng (Sáu tỉ sáu trăm ba mươi chín triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

[1.2]. Xét về yêu cầu thanh toán tiền lãi suất trong hạn và lãi quá hạn, phí chậm trả của Hợp đồng tín dụng số 1500LAV201702387 ngày 12/05/2017: Thời điểm bắt đầu tính lãi quá hạn là ngày 15/3/2018. Tạm tính đến ngày 22/10/2025, bà Đỗ Hồng N1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền lãi là: 7.499.750.361 đồng. Trong đó nợ lãi

trong hạn, lãi quá hạn: 6.835.985.783 đồng. Phí chậm trả: 663.764.578 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số 1500LAV201702387 ngày 12/05/2017 quy định lãi suất cho vay = 7%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất vay = Trần lãi suất huy động có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau theo thông báo của A có tính DTTT, DTBB + tỷ lệ nhất định nhưng không vượt quá trần lãi suất cho vay của Tổng Giám đốc A quy định từng thời kỳ...; Lãi suất nợ quá hạn bằng: 150% lãi suất trong hạn đối với số gốc chậm trả; Đến hạn trả lãi bên vay không trả nợ đúng hạn thì phải trả phí chậm trả lãi tối đa là 10% lãi suất cho vay tính trên số ngày chậm trả lãi.

Căn cứ vào sự thỏa thuận của các đương sự về lãi suất cho vay, phí trong Hợp đồng tín dụng, cũng như bản giải trình cách tính lãi suất và áp dụng các quyết định điều chỉnh lãi suất do ngân hàng xuất trình Tòa thấy phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “Lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với các quy định của pháp luật”, tại khoản 2 Điều 11, Quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/QĐ-NHNN quy định: “Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận đối với khách hàng trong Hợp đồng tín dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng” và tại Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, và xác định thời điểm bắt đầu tính lãi quá hạn là ngày 15/3/2018. Đối với khoản phí chậm trả lãi mà Ngân hàng yêu cầu bà Đỗ Hồng N1 trả số tiền 656.837.923 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 1500LAV201702387 ngày 12/05/2017 là phù hợp với quy định của khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận và buộc bà N1 phải thanh toán trả cho Ngân hàng N2 toàn bộ số tiền lãi tính từ khi vi phạm tạm tính đến ngày 22/10/2025 là 7.499.750.361 đồng. Trong đó nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn: 6.835.985.783 đồng. Phí chậm trả: 663.764.578 đồng. Bà N1 còn phải tiếp tục thanh toán lãi, lãi quá hạn trên nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 23/10/2025 cho đến khi bà N1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký.

[2]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay của Bà Đỗ Hồng N1 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật trong trường hợp bà Đỗ Hồng N1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng A nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/HĐTC ngày 22/02/2018 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 26/02/2018 đã ký giữa ông Đỗ Trọng K, bà Nguyễn Thị T1 và Ngân hàng A Chi nhánh H1. Theo nội dung hợp đồng thế chấp ông Đỗ Trọng K và bà Nguyễn Thị T1 đồng ý thế chấp toàn bộ giá trị và/hoặc các quyền tài sản liên quan đến toàn bộ phần vốn góp và số cổ phần mang tên ông K, bà T1 tại Công ty V1 để đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ của bà Đỗ Hồng N1 tại ngân hàng A. Ngày 07/12/2018 Trung tâm đăng ký

giao dịch tài sản tại Thành phố Hà Nội đã có văn bản chứng nhận việc đăng ký giao dịch bảo đảm. Xác định hợp đồng thế chấp nêu trên có giá trị pháp luật và yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bà N1 không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Đỗ Hồng N1 đối với Ngân hàng A. Nếu số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Đỗ Hồng N1 vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng A theo quy định của pháp luật:

[3]. Về án phí: Ngân hàng N2 không phải chịu án phí đối với các yêu cầu được chấp nhận. Bà Đỗ Hồng N1 phải chịu án phí đối với các yêu cầu mà bên Ngân hàng N2 được chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng (được sửa đổi bổ sung năm 2010);

Căn cứ Điều 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 295, 317, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với bà Đỗ Hồng N1.

Xác nhận: Tính đến ngày 22/10/2025 bà Đỗ Hồng N1 còn nợ Ngân hàng A số tiền là: **14.139.675.861 đồng** trong đó:

- Nợ gốc : 6.639.925.500 đồng
- Tổng nợ lãi : 6.835.985.783 đồng
- Phí chậm trả : 663.764.578 đồng

Buộc bà Đỗ Hồng N1 phải thanh toán trả cho Ngân hàng A toàn bộ tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 22/10/2025 là: **14.139.675.861 đồng** (Bằng chữ: *mười bốn tỷ một trăm ba chín triệu sáu trăm bảy lăm nghìn tám trăm sáu một đồng*).

2. Kể từ ngày 23/10/2025, bà Đỗ Hồng N1 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất trong hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong khoản nợ.

3. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, trường hợp bà Đỗ Hồng N1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền gốc và lãi nói trên cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm, để thu hồi nợ là: toàn bộ giá trị và/hoặc các quyền tài sản liên quan đến toàn bộ phần vốn góp và số cổ phần mang tên ông Đỗ Trọng K, bà Nguyễn Thị T1 tại Công ty V1, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/HĐTC ngày 22/02/2018 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 26/02/2018 đã ký giữa ông Đỗ Trọng K, bà Nguyễn Thị T1 và Ngân hàng A Chi nhánh H1, đã được Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hà Nội xác nhận việc đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/12/2018.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà Đỗ Hồng N1 đối với Ngân hàng A. Nếu số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Đỗ Hồng N1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng A.

4. Về án phí: Ngân hàng A được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng A số tiền 60.714.482 đồng (Sáu mươi triệu, bảy trăm mười bốn ngàn, bốn trăm tám mươi hai đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0078501 ngày 04/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội (nay là Phòng thi hành án Dân sự - Khu vực 2 Hà Nội)

Bà Đỗ Hồng N1 phải chịu 122.139.676 đồng (một trăm hai mươi hai triệu một trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện của Nguyên đơn là Ngân hàng A, đại diện của bị đơn là bà Đỗ Thị T. Vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Trọng K, bà Nguyễn Thị T1, Công ty CP V1. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 2 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 2 – Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Công Hách